

KẾT QUẢ PHẪU THUẬT ĐIỀU TRỊ PHÌNH ĐỘNG MẠCH CHỦ BỤNG DƯỚI THẬN TẠI BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN

Ths. Phạm Văn Chung
Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

ĐẶT VẤN ĐỀ

1

PĐMCBDT chiếm 90 – 95% PĐMCB

2

Nguyên nhân: xơ vữa, bẩm sinh, viêm, chấn thương

3

Chẩn đoán: lâm sàng, Siêu âm Doppler mạch, MSCT

4

Tần suất: Mỹ 2 – 5 % nam > 60 Tuổi, VN 1%

5

Biến chứng: dọa vỡ, vỡ; tử vong cao

6

Điều trị: nội khoa, ngoại khoa, can thiệp

MỤC TIÊU

Nhận xét đặc điểm dịch tễ học, LS, CLS phình ĐMCB dưới thận

1

Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị Phình ĐMCB dưới thận

2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiêu chuẩn chọn bệnh

Mắc PĐMCBDT không phân biệt tuổi, giới tính

Phẫu thuật tại BV HNĐK Nghệ An

Hồ sơ đáp ứng đầy đủ chỉ tiêu nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ

Mắc bệnh nội khoa nặng

BN không đồng ý phẫu thuật

Hồ sơ không đáp ứng được chỉ tiêu nghiên cứu

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Phân bố bệnh nhân theo nhóm tuổi

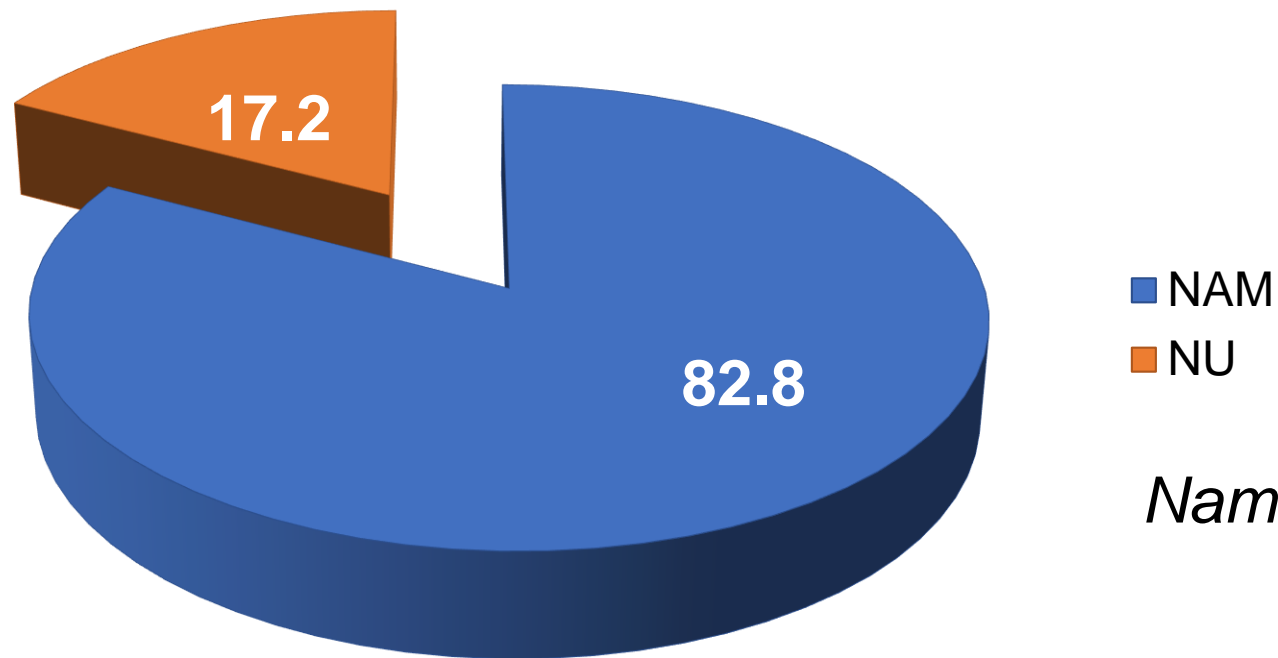
Nhóm tuổi	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)
40 – 59	5	7.8
60 – 79	41	64.1
≥ 80	18	28.1
Tổng	64	100

Tuổi TB $73,3 \pm 9,0$ tuổi

L.N.Thành 69T L.N.H.Hiệp 64.5T V.Tần 68.6T A.Lo 72.9T

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Phân bố bệnh nhân theo giới



Nam / nữ = 4.8 / 1

LNHH 3/1

V. Tần 3.4/1

Batt M. 6.7/1



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Đặc điểm lâm sàng trước vào viện

Lí do vào viện	Số BN (n)	Tỷ lệ (%)
Tình cờ phát hiện	8	12.5
Đau bụng	46	71.9
Đau lưng	5	7.8
Sờ thấy khối đập	6	9.4
Sốc mất máu	12	18.8
Hội chứng nhiễm trùng	3	4.7

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tiền sử bệnh lý

Tiền sử	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)
Hút thuốc lá	42	65.6
Tăng huyết áp	44	68.8
ĐTĐ typ 2	2	3.1
Bệnh mạch vành	3	4.7
Suy thận	1	2.9
Khác	2	5.8

LNHH: THA 60%, HTL 58%, MV 68%

V.Tần: THA >50%, HTL 56%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

CẬN LÂM SÀNG

- 100% TH siêu âm doppler mạch máu chủ bụng
- 87.5% TH chụp MSCT chủ bụng (56/64)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Vị trí ĐM tổn thương

Vị trí tổn thương	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)
ĐMCBDT đơn thuần	31	48.4
ĐM chủ - 1 chậu	10	15.6
ĐM chủ - 2 chậu	23	36
Tổng số	64	100

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Hình dạng, kích thước khối phòng

	Số bệnh nhân n (%)	\pm SD (mm)
Hình thoi	59 (92.2)	56,7 \pm 14,5
Hình túi	5 (7.8)	46,6 \pm 12,8

95.3% xơ vữa; 4.7% nhiễm trùng

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

CHỈ ĐỊNH PHẪU THUẬT

Chỉ định		Số BN (n)	Tỷ lệ (%)
Cấp cứu	Vỡ phình	12	18.8
	Dọa vỡ phình	2	26.6 3.1
	Phình hình túi + NKH	3	4.7
Kế hoạch	Phình ĐMC đơn thuần	17	26.5
	Phình ĐMC +1 chậu	9	14.1
	Phình ĐMC + 2 chậu	21	32.8
Tổng		64	100

LNHH mổ cc 32%

Văn Tàn mổ cc 38.3%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

PHƯƠNG PHÁP XỬ TRÍ

Tái thông mạch máu	Số BN (n)	Tỷ lệ (%)
Ghép đoạn mạch thẳng	6	9.4
Ghép đoạn chữ Y	56	87.5
Cắm lại ĐM MTTD	6	9.4
Thắt ĐMCB + cầu nối nách - đùi	2	3.1

LNHH GMT 79%, Y 21%, cắm ĐMMTTD 5%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

KẾT QUẢ PHẪU THUẬT

Kết quả	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)
Tốt	48	75
Trung bình	9	14.1
Xấu	7	10.9
Tổng	64	100

LNHH: Tốt 77.9% TB 8.8% Xấu 13.3%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

TAI BIẾN, BIẾN CHỨNG

Biến chứng	Số BN (n)	Tỷ lệ (%)
Chảy máu	0	0
Nhiễm trùng	1	1.6
Viêm phổi	4	6.2
Hoại tử ruột, đại tràng	<i>Biến chứng chung 23.4%</i>	
Tắc mạch	0	0
Suy thận cấp	3	4.7
Nặng về	4	6.2
Tử vong	3	4.7
V.Tần BC 33.3%, TV 15%		10.9
L.N.H.Hiệp BC 23.8%, TV 12.2%		



KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

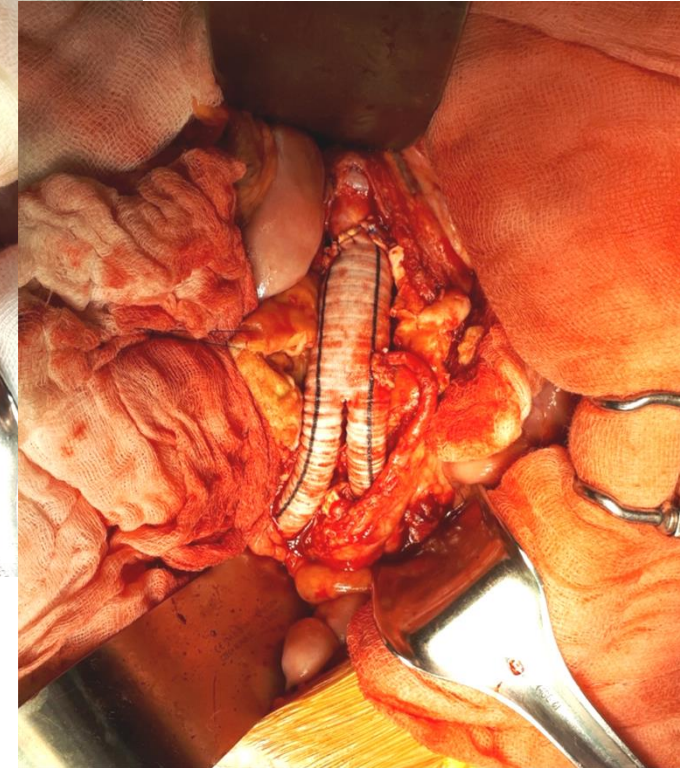
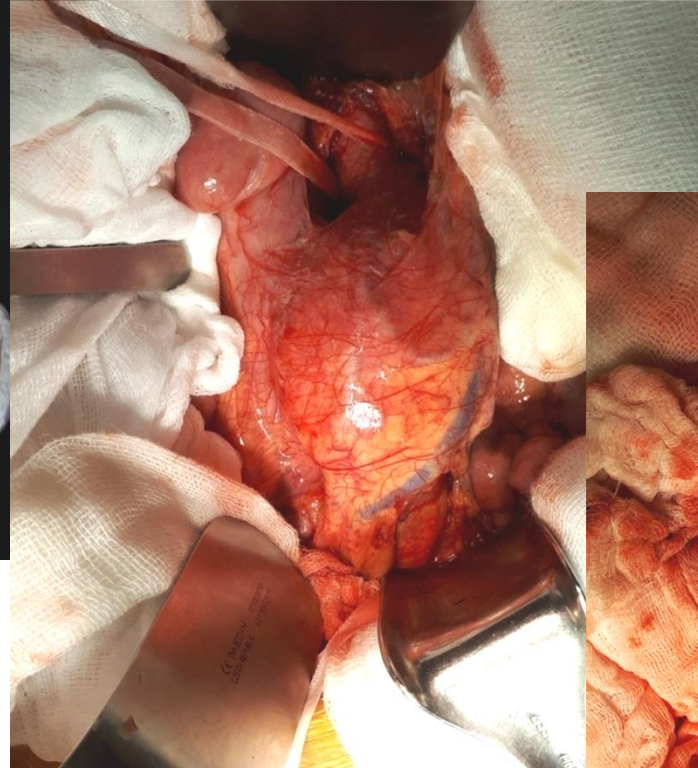
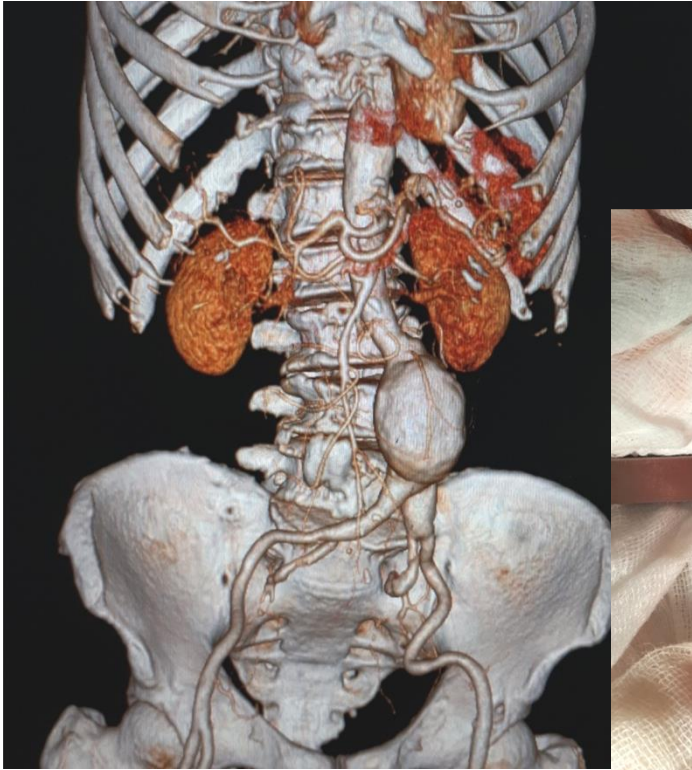
THEO DÕI NGẮN & TRUNG HẠN (3 tháng – 2 năm)

57/64 TH sau mổ ra viện tái khám định kỳ theo hẹn

1 TH tử vong sau mổ 13 tháng suy tim, viêm phổi, THA

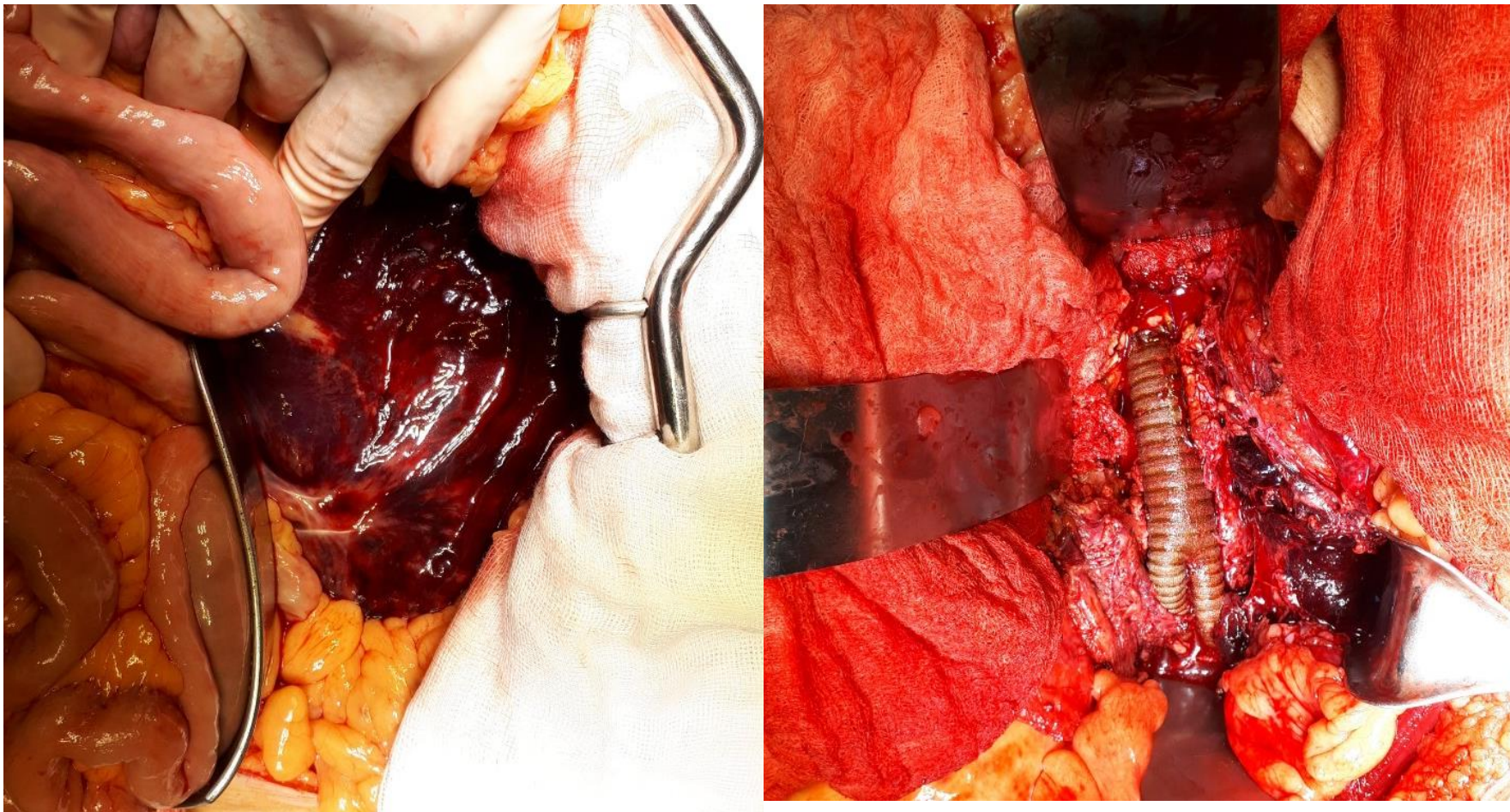
Các TH khác hiện sống, không có biến chứng mạch máu

HÌNH ẢNH MINH HỌA



Bn. Nguyễn Cảnh Đ. 76T (MSBA 18044908)

HÌNH ẢNH MINH HỌA



Bn. Trần Duy N. 60T (MSBA18627941)

KẾT LUẬN

- PĐMCB ngày càng tăng. Chẩn đoán không khó, phát hiện sớm, xử trí kịp thời, giảm nguy cơ dọa vỡ hay vỡ, giảm biến chứng và tử vong.
- Phẫu thuật PĐMCBĐT tại Bệnh viện HNĐK Nghệ An bước đầu cho kết quả tốt.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!